

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH PROBIT ĐO LƯỜNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LÀM PHI NÔNG NGHIỆP CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Đình Phúc*

TÓM TẮT

Title: Using probit model to measure factors affecting non-agricultural employment of rural workers in An Nhon town, Binh Dinh province

Từ khóa: Probit, Kinh tế lượng, Việc làm phi nông nghiệp, Nhân tố, Bình Định

Keywords: Probit, Econometric, Non-agricultural employment, Factor, Binh Dinh

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 26/9/2016;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 15/10/2016;

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/01/2017.

Tác giả:

* ThS., Trường Đại học Quang Trung
nguyendinhphuc2009@gmail.com

Dựa trên dữ liệu khảo sát của 146 lao động phi nông nghiệp ở nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Nghiên cứu sử dụng phân tích định lượng bằng mô hình hồi quy Probit. Kết quả nghiên cứu cho thấy xác suất dự báo đúng của mô hình là 81.25%, có 9 nhân tố giải thích cho sự tham gia việc làm phi nông nghiệp của người lao động và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố là khác nhau. Nghiên cứu đã chỉ ra: nông nhàn, tổ hợp sản xuất và học nghề là 3 nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc làm phi nông nghiệp của lao động trong vùng. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tạo cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho lao động nông thôn tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định trong thời gian tới.

ABSTRACT

Using survey data of 146 non-agricultural workers in rural areas of An Nhon town, Binh Dinh province, the research uses quantitative analysis by using Probit model. The research results show that the correct forecasting probability of the model is 81.25%. There are 9 factors explaining the participation of non-agricultural employment of workers and the effect level of these factors is different. The research shows that: the freetime after harvest, cooperation and apprentices are 3 factors that have the greatest effect on the ability to participate in non-agricultural employment of workers in the region. Based on the research results, this article proposes recommendations in order to create more non-agricultural employment opportunities for rural workers in An Nhon town, Binh Dinh province for the next time.

1. Giới thiệu

“Việc làm có ý nghĩa to lớn đối với người lao động, cũng như đời sống kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế hiện nay thì có những việc làm đã không ngừng được tạo ra cho người lao động, đồng thời cũng không ít những việc làm đã bị mất đi” (Chu Tiến Quang, 2001). Trong giai đoạn nền kinh tế mở cửa, nhất là sự thay đổi về cơ cấu kinh tế cùng với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, sản xuất nông nghiệp được xem là hướng đi tất yếu để thúc đẩy và phát triển kinh tế nông thôn. Tuy nhiên, “với diện tích đất đai có hạn, tỷ lệ gia

tăng dân số ở nông thôn lại cao, trình độ dân trí còn thấp, dẫn đến tình trạng người dân sinh sống ở nông thôn khó có cơ hội tìm được việc làm phù hợp khi họ bị tách khỏi những lao động phổ thông trong nông nghiệp” (Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 2006). Vì vậy, “nghiên cứu việc làm cho lao động nông thôn là rất cần thiết đối với người dân cũng như các cấp chính quyền địa phương (UBND thị xã An Nhơn, 2014), trên cơ sở đó tìm ra những nhân tố chủ yếu tác động đến việc làm của người lao động tại địa bàn nông thôn, nhằm định hướng chính sách thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông

ng nghiệp sang lao động phi nông nghiệp để bắt kịp xu hướng đổi mới của quá trình đô thị hóa nông thôn hiện nay. Xuất phát từ thực tiễn của vấn đề nói trên, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định là rất cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Khái niệm về việc làm, việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn:

- Việc làm của lao động nông thôn: Là những việc làm được tạo ra từ các hoạt động kinh tế gắn liền với đời sống của người dân nông thôn để tạo thêm nguồn thu nhập mà không bị pháp luật ngăn cấm.

- Việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn: Là những việc làm nhằm tạo ra thu nhập cho người lao động thông qua việc tham gia vào các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp của hộ gia đình hoặc của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa bàn nông thôn như: Chế biến nông sản, thực phẩm; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải; Thương mại và dịch vụ.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn:

Lê Xuân Bá và cộng sự (2006) cho rằng các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ở nông thôn Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Tuổi, giáo dục, giới tính, đất sản xuất, thành viên, tài sản, dự án tạo việc làm, số nhà máy, giao thông, nông nhàn, thu nhập nông nghiệp, vùng sinh thái.

Trần Thị Minh Phương và Nguyễn Thị Minh Hiền (2013), nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn Hà Nội cho rằng: Giới tính, tuổi, số năm đi học, số cơ sở sản xuất, chương trình tạo việc làm, tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ và dự án phát triển là các nhân tố có ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn địa phương.

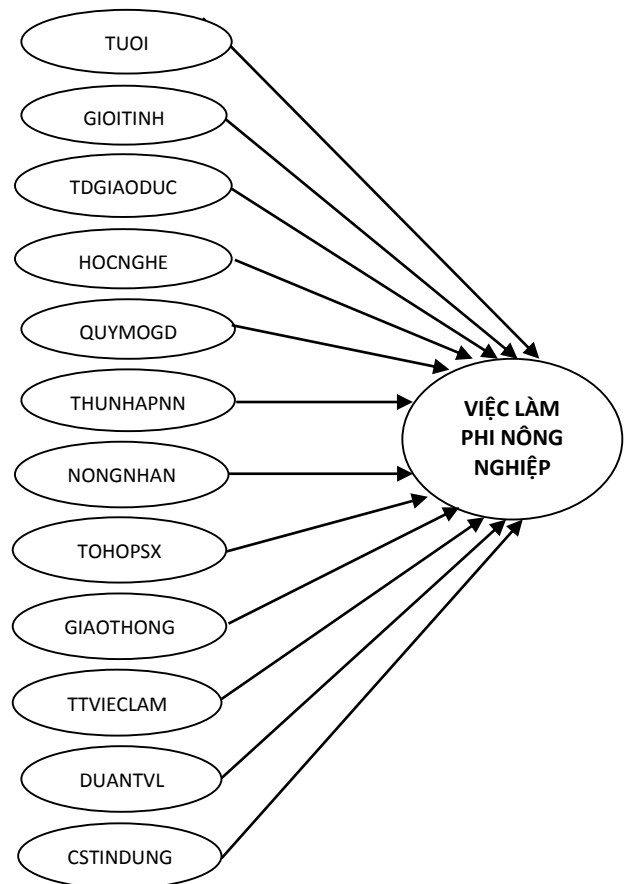
Đoàn Thị Cẩm Vân và cộng sự (2010) đã chỉ ra các nhân tố có ảnh hưởng đáng kể đến việc làm và thu nhập phi nông nghiệp ở Trà Vinh bao gồm: Số thành viên, tuổi, trình độ giáo

dục, thu nhập nông nghiệp, giá trị tài sản, diện tích đất sản xuất, chương trình tạo việc làm.

Trần Thanh Phúc và Huỳnh Thanh Phương (2011) cho rằng có ba nhóm nhân tố có tác động mạnh mẽ đến việc làm và thu nhập phi nông nghiệp của lao động nông thôn ở Long An bao gồm: (1) Đặc điểm của chủ hộ (tuổi, giới tính, trình độ giáo dục, học nghề); (2) đặc điểm gia đình người lao động (quy mô, tuổi trung bình, số năm đi học, số người có việc làm, tài sản); (3) đặc điểm cộng đồng (thông tin việc làm, giao thông, tín dụng).

Mô hình nghiên cứu:

Dựa trên kết quả của các nghiên cứu liên quan đã công bố trước đây và đúc kết tình hình thực tiễn địa phương, nghiên cứu này đã bổ sung thêm các nhân tố mới để xây dựng mô hình đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định như sau:



Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện kết hợp cả phương pháp phân tích định tính và định lượng.

Phương pháp phân tích định tính: Được thực hiện thông qua tham khảo các tài liệu nghiên cứu và thảo luận nhóm để xây dựng mô hình nghiên cứu, bảng câu hỏi và phỏng vấn sơ bộ một số đối tượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sơ bộ định tính là cơ sở nhằm bổ sung và hoàn thiện bảng câu hỏi trước khi phát hành bảng câu hỏi chính thức để phỏng vấn các đối tượng cần thu thập thông tin phục vụ cho nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp sử dụng trong nghiên cứu có được thông qua phương pháp điều tra phi ngẫu nhiên 146 hộ nông dân trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) tại các xã Nhơn Hòa, Nhơn Hậu, Nhơn Thành Đây là các địa phương có số lượng lao động tham gia ở lĩnh vực phi nông nghiệp tương đối quy mô trên địa bàn nông thôn thị xã An Nhơn.

Theo Vũ Thị Thanh Lộc & cs. (2015) cho rằng: *Cơ sở chọn mẫu là “cỡ mẫu điều tra tối thiểu cần đạt được tính theo công thức $n = 50 + 8m$, với m là số biến độc lập có trong mô hình nghiên cứu.”* Như vậy, với số biến độc lập trong mô hình đề xuất xây dựng ban đầu là 12 biến, khi đó cỡ mẫu tối thiểu phải đạt được là $n = 50 + 8 \cdot 12 = 146$ mẫu.

Phương pháp phân tích định lượng: để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn có khá nhiều mô hình nghiên cứu đều có thể thực hiện được. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng mô hình Probit để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Bình Định.

Phương trình mô hình hồi quy xác suất Probit có dạng: $Y = \beta_i X_i + \varepsilon_i$

Trong đó:

Y: Biến giả, biến phụ thuộc nhị phân (1, 0)

Y= 1: Lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp

Y= 0: Lao động không tham gia việc làm phi nông nghiệp

X_i : Các biến độc lập

β_i : Vector tham số

ε_i : Sai số ngẫu nhiên của mô hình

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9 + \beta_{10} X_{10} + \beta_{11} X_{11} + \beta_{12} X_{12} + \varepsilon_i$$

$$Y = \beta_0 + \beta_1 TUOI + \beta_2 GIOITINH + \beta_3 TDGIAODUC + \beta_4 HOCNGHE + \beta_5 QUYMOGD + \beta_6 THUNHAPNN + \beta_7 NONGNHAN + \beta_8 TOHOP SX + \beta_9 GIAOTHONG + \beta_{10} TTVIECLLAM + \beta_{11} DUANTVL + \beta_{12} CSTI NDUNG + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong mô hình (1), về trái là biến phụ thuộc Y nhận giá trị 1 nếu lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp và nhận giá trị 0 nếu lao động không tham gia việc làm phi nông nghiệp. Về phải là các biến độc lập, biểu hiện các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn.

Bảng 1. Các biến độc lập và dấu kỳ vọng trong mô hình Probit

Tên biến	Giải thích ý nghĩa các biến	Dấu kỳ vọng
TUOI	Số tuổi của lao động tính theo năm	(+/-)
GIOI TINH	Biến giả, Giới tính, lao động nam nhận giá trị 1; lao động nữ nhận giá trị 0	(?)
TD GIAO DUC	Trình độ giáo dục, là số năm đi học của người lao động	(+)
HOC NGHE	Biến giả, Học nghề, lao động có học nghề nhận giá trị 1; lao động không học nghề nhận giá trị 0	(+)
QUYMOGD	Quy mô gia đình, số thành viên trong hộ gia đình (số người)	(+)
THUNHAPNN	Thu nhập nông nghiệp, thu nhập bình quân đầu người từ hoạt động nông nghiệp (triệu đồng/năm)	(+/-)
NONGNHAN	Nông nhàn, thời gian nhàn rỗi của lao động trong gia đình (giờ/năm)	(+/-)
TOHOP SX	Tổ hợp sản xuất, số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất có thu hút lao động tại địa phương	(+)
GIAOTHONG	Biến giả, Giao thông, địa bàn có đường giao thông cho các tuyến xe đi qua nhận giá trị 1; địa bàn	(+)

	không có đường giao thông cho các tuyến xe đi qua nhận giá trị 0	
TT VIECLAM	Biến giả, Thông tin việc làm, lao động có thông tin về việc làm nhận giá trị 1; lao động không có thông tin về việc làm nhận giá trị 0	(+)
DUANTVL	Biến giả, Dự án tạo việc làm, có dự án tạo việc làm cho người LĐ nhận giá trị 1; không có dự án tạo việc làm cho người LĐ nhận giá trị 0	(+)
CSTINDUNG	Biến giả, Chính sách tín dụng, có chính sách hỗ trợ vốn nhận giá trị 1; không có chính sách hỗ trợ vốn nhận giá trị 0	(+)

4. Kết quả nghiên cứu

Mô hình lý thuyết xây dựng ban đầu gồm 12 biến độc lập, biểu hiện mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kiểm định đa cộng tuyến bằng ma trận tương quan giữa các biến, nghiên cứu đã chỉ ra biến GIAOTHONG, TTVIECLAM và CSTINDUNG có hệ số tương quan khá cao, lớn hơn 0,8, do vậy 3 biến này được loại khỏi mô hình ước lượng ban đầu.

Mô hình nghiên cứu được ước lượng với 9 biến còn lại, kết quả phân tích ma trận tương quan đã chỉ ra rằng các biến trong mô hình có mối quan hệ tương quan thấp ($< 0,6$), điều này kết luận mô hình nghiên cứu đưa ra là khá phù hợp và cho phép tiến hành nghiên cứu.

Bảng 2. Ma trận tương quan giữa các biến độc lập

	TUOI	GIOI TINH	TD GIAODUC	HOC NGHE	QUY MOGD	THU NHAPNN	NONG NHAN	TO HOP SX	DUAN TVL
TUOI	1								
GIOITINH	0,3827	1							
TDGIAODUC	0,5163	0,4264	1						
HOCNGHE	0,2348	0,2783	0,3307	1					
QUYMOGD	0,4236	0,0615	0,1654	0,4282	1				
THUNHAPNN	0,0859	0,3158	0,2149	0,1525	0,1762	1			
NONGNHAN	0,1572	0,3249	0,2782	0,2483	0,0478	0,3146	1		
TOHOP SX	0,2165	0,2724	0,4064	0,3180	0,1974	0,2915	0,3275	1	
DUANTVL	0,4017	0,0976	0,3923	0,0896	0,2507	0,0491	0,1268	0,2045	1

(Nguồn: Số liệu điều tra và phân tích định lượng, 2015)

Các thông tin về kết quả ước lượng mô hình hồi quy xác suất Probit ở Bảng 3 cho biết mô hình phân tích phù hợp và có ý nghĩa trong nghiên cứu. Hệ số xác định R^2 của mô hình bằng 0,6719, có nghĩa là 67,19% ý nghĩa của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập có trong mô hình. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng mức độ dự báo chính xác của mô hình ước lượng là 81,25% nên có thể đánh giá rằng khả năng dự báo đúng của mô hình là tương đối cao.

Nguyễn Trọng Hoài (2008) cho rằng: “Mô hình Probit là một dạng của mô hình xác suất

phi tuyến tính, các hệ số ước lượng của hàm hồi quy trong mô hình không trực tiếp giải thích mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập mà chỉ có thể sử dụng dấu và mức ý nghĩa của nó để phân tích”. Vì vậy, để hiểu rõ hơn tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc, chúng ta cần phải tính toán hệ số tác động biên tương ứng với từng hệ số hồi quy, và nghiên cứu sử dụng hệ số tác động biên này để giải thích sự thay đổi của các biến độc lập ảnh hưởng đến khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tại địa bàn nghiên cứu.

Bảng 3. Kết quả phân tích mô hình hồi quy Probit

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (β)	Hệ số tác động biên (dy/dx)	Giá trị P-value của hệ số tác động biên
HẰNG SỐ	8,5615	-	1,6452
TUOI	- 0,0896	- 0,0284	0,0414
GIOITINH	1,9854	0,0892	0,0676
TDGIAODUC	0,3508	0,0976	0,0025
HOCNGHE	1,4262	0,1254	0,0458
QUYMOGD	0,7250	0,0825	0,0516
THUNHAPNN	- 0,9428	- 0,1127	0,0329
NONGNHAN	0,6527	0,1956	0,0015
TOHOP SX	0,8205	0,1481	0,0362
DUANTVL	0,5026	0,0952	0,0454
Số quan sát	146		
Giá trị kiểm định mô hình	0,0000		
Mức xác suất trung bình	0,8125		
Hệ số xác định R^2	0,6719		

(Nguồn: Số liệu điều tra và phân tích định lượng, 2015)

Kết quả ước lượng mô hình hồi quy xác suất Probit thu được ở Bảng 3 cho thấy, các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê khác 0 tại các mức ý nghĩa khác nhau từ 1% đến 10% và dấu của các hệ số ước lượng trong mô hình hoàn toàn phù hợp với lý thuyết kinh tế. Để thấy rõ hơn mức độ ảnh hưởng của từng biến giải thích đối với mỗi biến độc lập chúng ta lần lượt xem xét từng biến cụ thể:

Biến có ý nghĩa giải thích đầu tiên trong mô hình nghiên cứu là biến TUOI của người lao động, biến này có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, có tác động đến việc làm phi nông nghiệp đúng với dấu kỳ vọng. Theo điều tra thống kê cho thấy lao động càng cao tuổi thì khả năng tham gia việc làm phi

nông nghiệp của họ bị hạn chế, vì phần lớn những đối tượng lớn tuổi có trình độ học vấn thấp, sức khỏe không đảm bảo để tham gia các việc làm phi nông nghiệp tại địa phương đòi hỏi về tay nghề hoặc những công việc mang tính chất nặng nhọc. Kết quả phân tích đã chỉ ra bình quân nếu người lao động lớn hơn 1 tuổi thì khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của họ giảm 0,0284 lần so với những lao động trẻ tuổi hơn trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.

Xét biến có ý nghĩa tiếp theo là biến GIOITINH của người lao động, biến này có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và mang dấu kỳ vọng dương. Biến GIOITINH đưa vào mô hình với mục đích xem xét có sự khác biệt

nào về giới hay không khi lao động quyết định tham gia việc làm phi nông nghiệp tại địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, khi lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp thì nam giới sẽ chủ động và dễ dàng hơn so với nữ giới trong vùng. Số liệu phân tích từ mô hình đã chỉ ra rằng, khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu lao động là nam sẽ có khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp nhiều hơn so với lao động nữ trong vùng là 8,92%, vì lao động nam thường có sức khỏe tốt hơn và khả năng thích ứng nhanh với các công việc hiện có tại địa phương, và phần lớn nam giới ít vướng bận nhiều vào các công việc gia đình như nội trợ, chăm sóc con cái và người già trong gia đình.

TDGIAODUC là biến có ảnh hưởng tích cực đến việc làm phi nông nghiệp của người lao động, do hệ số hồi quy của biến này có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%. Thông thường lao động có số năm đi học trung bình càng cao thì khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp càng lớn, vì đa phần những người tham gia đào tạo sẽ có kiến thức nhất định, khi đó cơ hội để tìm kiếm được một công việc tốt hơn ngoài mức thu nhập thấp từ hoạt động nông nghiệp. Số năm đi học bình quân của người lao động nếu tăng thêm 1 năm thì khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp đối với họ tăng thêm 7,96% trong điều kiện cố định các yếu tố khác.

Biến giả HOCNGHE thể hiện lao động tại địa phương đã từng tham gia các lớp học nghề kể cả ngắn hạn và dài hạn. Tác động của biến này cũng tương tự như biến TDGIAODUC, hệ số hồi quy mang dấu dương tại mức ý nghĩa 5%, trong mô hình biến này sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trong vùng, nhất là đối với những lao động có học nghề. Mặt khác, đa phần các doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất tại địa phương đòi hỏi người lao động tham gia ở lĩnh vực phi nông nghiệp

cần có những kiến thức, kỹ năng về chuyên môn nên người lao động có kinh nghiệm, tay nghề và được đào tạo một cách bài bản thì khả năng dễ dàng tham gia việc làm phi nông nghiệp nhiều hơn so với những lao động chưa được học nghề. Kết quả phân tích cho thấy, khi các yếu tố khác không đổi, bình quân lao động được đào tạo nghề sẽ có cơ hội tham gia việc làm phi nông nghiệp tăng 0,1254 lần so với những lao động không có tay nghề.

QUYMOGD là biến thể hiện số thành viên hay số người đang sống trong gia đình của hộ, với hệ số hồi quy của biến này mang dấu kỳ vọng dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 10% cho thấy, quy mô gia đình càng lớn thì gây áp lực về việc làm tạo thu nhập trong hộ, do vậy nhu cầu tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động trong gia đình càng cao. Kết quả phân tích mô hình cũng đã chỉ ra số thành viên bình quân trong hộ nếu tăng thêm 1 người khi các yếu tố khác không thay đổi thì nguyện vọng mong muốn tham gia việc làm phi nông nghiệp của các lao động trong hộ gia đình đó tăng thêm 8,25%.

Thu nhập nông nghiệp của gia đình lao động thể hiện ở biến THUNHAPNN. Kết quả ước lượng cho thấy, hệ số hồi quy của biến này có giá trị âm và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 5%, điều này có nghĩa là thu nhập nông nghiệp bình quân đầu người của gia đình càng cao thì càng làm giảm khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động trong gia đình đó. Bình quân khi thu nhập nông nghiệp của hộ tăng lên 1 triệu đồng/năm thì khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động trong gia đình đó giảm đi 11,27% trong điều kiện cố định các yếu tố khác.

Biến NONGNHAN thể hiện thời gian nhàn rỗi của lao động trong gia đình. Kết quả phân tích mô hình ước lượng cho thấy,

biến NONGNHAN có giá trị dương và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%, có nghĩa là thời gian nhàn rỗi của người lao động càng nhiều thì khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp để tạo nguồn thu nhập đối với họ là rất lớn. Phân tích cho thấy, bình quân 1 giờ nhàn rỗi đối với người lao động khi các yếu tố khác không thay đổi thì nhu cầu tham gia việc làm phi nông nghiệp đối với lao động trong vùng tăng lên 0,1956 lần.

Nghiên cứu nhận thấy biến TOHOPXSX có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và hệ số ước lượng mang dấu dương, có nghĩa là số lượng các doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất hiện có trên địa bàn có ảnh hưởng tích cực tới việc làm phi nông nghiệp cho những người lao động tại vùng. Nếu như địa phương có số lượng doanh nghiệp hoặc các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động nhiều thì khả năng để người lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp sẽ có xu hướng gia tăng. Bình quân cứ tăng thêm 1 cơ sở hoặc doanh nghiệp đóng trên địa bàn hoạt động thì khả năng để lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp tại các cơ sở hoặc các doanh nghiệp này tăng lên là 0,1481 lần trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.

Biến DUANTVL cho người lao động là một biến giả. Kết quả ước lượng của mô hình phân tích cho thấy biến DUANTVL có tác động dương và có mức ý nghĩa thống kê cao, ở mức 5%, cho phép kết luận rằng nếu địa phương thực sự có các chương trình về dự án tạo việc làm cho lao động thì khả năng thu hút lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp đối với lao động trong vùng càng cao. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, bình quân cứ có một dự án tạo việc làm cho người lao động trong vùng thì khả năng thu hút lao động tham gia việc làm phi nông nghiệp tăng lên 9,52%. Điều này cho thấy, thực tế hiệu quả của các chính sách tạo việc làm đã và đang thực hiện khá tốt tại các địa bàn nông thôn tỉnh Bình Định trong thời gian qua.

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định bằng phương pháp ước lượng mô hình hồi quy xác suất Probit, nghiên cứu đã chỉ ra có 9 nhân tố trong mô hình giải thích cho sự tham gia việc làm phi nông nghiệp của người lao động trong vùng và mức độ đóng góp của các nhân tố này đối với khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của người lao động là khác nhau, trong đó 3 nhân tố: Nông nhân, tổ hợp sản xuất và học nghề có ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động. Các nhân tố về thu nhập nông nghiệp và tuổi của người lao động có tác động ngược chiều đến khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp. Việc tham gia và mức độ tham gia vào bất kỳ một hoạt động phi nông nghiệp nào đó của người lao động tại địa phương cũng đều có tác động đáng kể đến việc nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế đối với hộ gia đình nông thôn tỉnh Bình Định.

5.2. Đề xuất

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu các giải pháp chủ yếu đề xuất theo hướng tạo cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định trong thời gian tới như sau:

Phát triển các làng nghề truyền thống, kết hợp với quảng bá các danh lam thắng cảnh và các di tích lịch sử nhằm thúc đẩy tiềm năng du lịch địa phương phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho lao động nhàn rỗi trong vùng.

Hoàn thiện và phát huy các chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa bàn nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các chi nhánh của các công ty có lợi thế về khai thác vùng nguyên liệu tại chỗ.

Thực hiện hỗ trợ kết nối thị trường cho những tổ hợp sản xuất nhằm giúp những tổ hợp sản xuất phát triển theo hướng bền vững, góp phần đa dạng hóa việc làm phi nông nghiệp cho lao động địa phương.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề cho các đối tượng lao động, chú trọng vào những ngành nghề phi nông nghiệp chủ đạo có ý nghĩa thiết thực đối với phát triển kinh tế của vùng.

Địa phương cần phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan thường xuyên mở các khóa tập huấn ngắn hạn để nâng cao năng lực kinh doanh và tiếp cận thị trường cho các chủ cơ sở kinh doanh và những hộ phi nông nghiệp có nhu cầu kinh doanh, nhằm đa dạng hóa việc làm phi nông nghiệp cho lao động địa phương.

Nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn cho người lao động tại địa phương để họ dễ dàng chủ động nắm bắt cơ hội việc làm phi nông nghiệp phù hợp và thích ứng với quá trình phát triển kinh tế nông thôn.

Gia đình hộ nông dân nên thực hiện chính sách kế hoạch hóa, góp phần làm hạn chế lực cản của quy mô gia đình, tạo điều kiện để các thành viên trong hộ được tiếp cận với kiến thức giáo dục và cơ hội tham gia việc làm phi nông nghiệp nhiều hơn.

Cần có sự quan tâm hơn nữa của các cấp chính quyền địa phương bằng các chương trình dự án, chính sách hỗ trợ việc làm cho người lao động, hướng đến xuất khẩu lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, phát triển kinh tế địa phương, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho lao động tham gia vào khu vực phi nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá và cộng sự. (2006). *Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam*. Hà Nội: Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
2. Đinh Phi Hổ. (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB. Phương Đông.
3. Nguyễn Trọng Hoài. (2008). *Biến phụ thuộc bị giới hạn - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright*. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Kinh tế Tp. HCM.
4. Vũ Thị Thanh Lộc, Huỳnh Hữu Thọ. (2015). *Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu*. Cần Thơ: NXB. Đại học Cần Thơ.
5. Chu Tiến Quang. (2001). *Việc làm ở nông thôn thực trạng và giải pháp*. Hà Nội: NXB. Nông nghiệp.
6. UBND thị xã An Nhơn. (2015). *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội 2014*
7. Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. (2006). *Các yếu tố tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam*. Báo cáo nghiên cứu 12/2006.